

Số: 21/2017/QĐST-DS

Ngọc Hồi, ngày 10 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2017, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H; địa chỉ: thôn N, xã B, huyện N, tỉnh K. Người đại diện theo uỷ quyền ông Cao Văn Đ; địa chỉ: thôn N, xã B, huyện N, tỉnh K, văn bản uỷ quyền ngày 03/7/2017.

- Đồng bị đơn: Bà Trần Thị Q, chị Lương Thị Q; cùng địa chỉ: thôn N, xã B, huyện N, tỉnh K,

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đến ngày 02 tháng 8 năm 2017 bà Trần Thị Q và chị Lương Thị Q công nhận còn nợ bà Huỳnh Thị H, tổng số tiền là 25.095.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng); Tiền lãi là 4.095.000đ (Bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), bà Trần Thị Q nhận trả toàn bộ số tiền 25.095.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) cho bà Huỳnh Thị H.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật thi hành nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bên được thi hành án, thì bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án và bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu

không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị Q phải chịu 627.375đ (Sáu trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Huỳnh Thị H, số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.202.000đ (Một triệu hai trăm linh hai nghìn đồng) theo biên lai số AA/2014/0001773 ngày 06-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh K;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Bá Khen